Phụ lục 1

BIỂU THỐNG KÊ THỰC TRẠNG THÔN, TỔ DÂN PHỐ TÍNH ĐẾN 31/5/2026

(Kèm theo Phương án số 08/PA-UBND ngày 03/6/2026 của UBND xã Hra)

STT	Tên thôn, tổ dân phố	Số hộ hiện có	Số nhân khẩu	Đánh giá		Thuộc địa bàn có yếu tố đặc thù *(Biên giới, hải đảo, đồng bào DTTS, địa hình đi lại khó khăn,...)* (nếu có ghi rõ, cụ thể)	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố					Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, TDP	Số lượng trụ sở nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng hiện có	Ghi chú
				Đạt tiêu chuẩn quy mô hộ GĐ theo quy định	Không đạt tiêu chuẩn quy mô hộ GĐ theo quy định		Tổng số *(không quá 3 người)*	Bí thư Chi bộ	Bí thư kiêm trưởng thôn, tổ trưởng TDP	Trưởng thôn, Tổ trưởng TDP	Trưởng ban Công tác mặt trận			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8=9+10+11+12*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**CÁC THÔN, LÀNG SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI**													
1	Làng Chrơng I	119	603		x		2		1		1	5	1	
2	Làng Chrơng II	189	879		x		2		1		1	5	1	
3	Làng Đak Dwe	36	175		x		2		1		1	4	1	
4	Làng Kon Hoa	193	834		x		2		1		1	5	1	
5	Làng Kon Chrah	305	1.621	x			2		1		1	5	1	
6	Làng Kơ Tu Dơng	114	493		x		2		1		1	5	1	
7	Làng Đê Kôn	56	259		x		2		1		1	4	1	
8	Làng KDung	231	1.254		x		2		1		1	5	1	
II	**CÁC THÔN, LÀNG KHÔNG PHẢI SẮP XẾP**													
1	Thôn Phú Yên	429	1.491	x			3	1		1	1	4	1	
2	Thôn Phú Danh	382	1.446	x			2		1		1	5	1	
3	Thôn Nhơn Tân	416	1.653	x			3	1		1	1	5	1	
4	Thôn Nhơn Thọ	301	1.260	x			2		1		1	5	1	
5	Làng Bok Ayơl	372	1.803	x			2		1		1	5	1	
6	Làng Kret Krot	200	1.072		x	Làng ĐB DTTS, có yếu tố phức tạp ANCT	2		1		1	5	1	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HRA

Phụ lục 2

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT SẮP XẾP THÔN, TỔ DÂN PHỐ NĂM 2026

(Kèm theo Phương án số 08/PA-UBND ngày 03/6/2026 của UBND xã Hra)

STT	Tên thôn, tổ dân phố	Số lượng hộ gia đình trước sắp xếp	Tên gọi mới sau sắp xếp	Dự kiến sau sắp xếp				Ghi chú
				Số lượng thôn, TDP giảm	Quy mô số hộ	Trụ sở chính nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng	Nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng dôi dư	
A	***B***	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*10*
	Tổng số							
1	Làng Chrơng I	119	Làng Chrơng	2	344	Làng Chrơng II	Làng Chrơng I Làng Đak Dwe	
	Làng Chrơng II	189						
	Làng Đak Dwe	36						
2	Làng Kon Hoa	193	Làng Kon Chrah	2	612	Làng Kon Chrah	Làng Kon Hoa Làng Kơ Tu Dơng	
	Làng Kon Chrah	305						
	Làng Kơ Tu Dơng	114						
3	Đê Kôn	56	Làng KDung	1	287	Làng KDung	Đê Kôn	
	Làng Kdung	231						

**Ghi chú: Nhập đủ số lượng thôn/TDP hiện có của xã/phường*

Phụ lục 3

PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ, SẮP XẾP NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

(Kèm theo Phương án số 08/PA-UBND ngày 03/6/2026 của UBND xã Hra)

Stt	Tên thôn, tổ dân phố	Hiện trạng							Phương án bố trí sau sắp xếp							Số lượng dự kiến đề nghị giải quyết chế độ chính sách đối với người hoạt động KCT thôn, TDP	Người hoạt động KCT cấp xã *(dự kiến bố trí xuống thôn, TDP từ ngày 01/6/2026)*	Ghi chú
		Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố						Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, TDP	Tổng số *(không vượt quá 3 người)*	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố *(Bố trí lại: điền số 1; Không bố trí: điền số 0)*					Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, TDP (ghi số lượng cụ thể)			
		Tổng số *(không vượt quá 3 người)*	Bí thư Chi bộ	Bí thư kiêm trưởng thôn, tổ trưởng TDP	Trưởng thôn, Tổ trưởng TDP	Trưởng thôn, Tổ trưởng TDP kiêm Trưởng ban công tác mặt trận	Trưởng ban Công tác mặt trận			Bí thư chi bộ	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn, Tổ trưởng TDP	Trưởng thôn, Tổ trưởng TDP	Trưởng thôn, Tổ trưởng TDP kiêm Trưởng ban công tác mặt trận	Trưởng ban Công tác mặt trận					
A	*B*	*1=2+3+4+5+6*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8=9+10+11+12+13*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1	Thôn Phú Yên	3	1		1		1	4	3	1		1		1	4		0	
2	Thôn Phú Danh	2		1			1	5	2		1			1	5		0	
3	Thôn Nhơn Tân	3	1		1		1	5	3	1		1		1	5		0	
4	Thôn Nhơn Thọ	2		1			1	5	2		1			1	5		0	
5	Làng Bok Ayơl	2		1			1	5	2		1			1	5		0	
6	Làng Kret Krot	2		1			1	5	2		1			1	5		0	
7	Làng Chrơng I	2		1			1	5	3	1		1		1	5	3	0	
	Làng Chrơng II	2		1			1	5									0	
	Làng Đak Dwe	2		1			1	4									0	
8	Làng Kon Hoa	2		1			1	5	3	1		1		1	6	3	0	
	Làng Kon Chrah	2		1			1	5									0	
	Làng Kơ Tu Dơng	2		1			1	5									0	
9	Làng Đê Kôn	2		1			1	4	3	1		1		1	5	1	0	
	Làng KDung	2		1			1	5									0	
	Tổng	**30**	**2**	**12**	**2**	**0**	**14**	**67**	**23**	**5**	**4**	**5**	**0**	**9**	**45**	**7**	**0**	